

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/4/2023

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc.

Bà Đoàn Sơn Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Không Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 243/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1974 (*Có mặt*).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Nơi ở hiện nay: khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Dương Văn T, sinh năm 1973 (*Vắng mặt lần 2*).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau: Hôn nhân của bà và ông Dương Văn T là do mai mối, thời gian tìm hiểu khoảng 02 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 20 - 21/11/1992, có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (cũ) nay là xã T, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Sau khi cưới thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên cự cãi, đến tháng 3/2013 thì hôn nhân phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T nóng tính, vợ chồng cãi nhau vì mâu thuẫn lớn

hay nhỏ ông T đều bạo hành, đánh đập bà nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê từ năm 2013 và ly thân với ông T cho đến nay. Bà không còn tình cảm với ông T nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con: Quá trình chung sống, bà và ông T có 02 con chung tên Dương Ngọc Đ, sinh ngày 19/10/1993 và Dương Tấn T, sinh ngày 16/4/1997. Các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Văn T mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông T. Về con, các con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung riêng và nợ không xem xét giải quyết do nguyên đơn không yêu cầu. Bị đơn vẫn có quyền khởi kiện thành vụ án khác nếu có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trưng tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Dương Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của bà H và ông T là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do ông T nóng tính, khi vợ chồng cãi nhau dù mâu thuẫn lớn hay nhỏ ông T đều bạo hành, đánh đập bà nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê từ năm 2013 và ly thân với ông T cho đến nay. Hiện

tại, bà không còn tình cảm với ông T nên bà xin ly hôn với ông T. Ông T mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như hòa giải. Điều đó, cho thấy ông T bỏ mặc quan hệ hôn nhân, không mong muốn được hòa giải đoàn tụ với bà H. Do đó, nếu duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả bà H và ông T nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[3] Về con: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung: Dương Ngọc Đ, sinh ngày 19/10/1993 và Dương Tấn T, sinh ngày 16/4/1997. Các con chung đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với ông Dương Văn T nếu có yêu cầu chia tài sản chung riêng và nợ vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5 , 6, 28, 40, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc H được ly hôn với ông Dương Văn T.

Về con chung: Nguyên bị đơn có con chung gồm: Dương Ngọc Đ, sinh ngày 19/10/1993 và Dương Tấn T, sinh ngày 16/4/1997. Các con chung đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp bị đơn vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0006488 ngày 07/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên bà H không phải nộp thêm án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Hà Thía

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Sơn Lâm – Nguyễn Thị Bích Ngọc

Võ Hà Thía

